

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm Cung cấp dịch vụ làm sạch theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp dịch vụ làm sạch năm 2025-2027
2. Phạm vi cung cấp: Chi tiết theo phụ lục đính kèm
3. Thời gian thực hiện gói thầu: 25 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
4. Loại hợp đồng: Trọn gói
5. Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP HCM
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: Tối thiểu 6 tháng
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 10 giờ, ngày 11/10/2024
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Quản trị tòa nhà, hầm 1, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5.

Người liên hệ: Đoàn Thị Thu Thảo

Số điện thoại: 0936439137

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với việc cung cấp dịch vụ đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, QTTN (J09-102-dttthao) (2).

TUO. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QUẢN TRỊ TÒA NHÀ



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC 1 – PHẠM VI CUNG CẤP

(Đính kèm theo công văn số 4.863/BVĐHYD-QTTN ngày 04/10/2024)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Cung cấp dịch vụ làm sạch năm 2025-2027	tháng	24	Yêu cầu dịch vụ theo Phụ lục - Yêu cầu kỹ thuật (đính kèm)

PHỤ LỤC 2 - YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ làm sạch 2025-2027
- Địa điểm thực hiện: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Bệnh viện có 2 tòa nhà: Khu A – 15 tầng và 02 tầng hầm; Khu B – 05 tầng
- Quy mô Bệnh viện: Số giường kế hoạch 910 giường, trung bình khoảng 7.000-8.000 lượt khám ngoại trú/ngày
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian cung cấp dịch vụ: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Thời gian thực hiện gói thầu: 25 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Thời gian dự kiến bắt đầu thực hiện hợp đồng: ngày 01/4/2025

2. Mục tiêu công việc

Nhà thầu phải đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật của Bên mời thầu để đem lại chất lượng dịch vụ làm sạch cao, đảm bảo công tác kiểm soát nhiễm khuẩn và luôn giữ vệ sinh sạch sẽ cho Bệnh viện.

3. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu

3.1. Yêu cầu về chứng chỉ của nhà thầu:

Nhà thầu có chứng chỉ ISO 9001 về hệ thống quản lý chất lượng và chứng chỉ ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường.

3.2. Yêu cầu về chất lượng làm sạch

3.2.1. Tiêu chuẩn hiệu quả làm sạch và quy định về công tác quản lý chất thải y tế tại Bệnh viện

- Thực hiện đúng hướng dẫn vệ sinh môi trường bề mặt trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và tuân thủ quy tắc kiểm soát nhiễm khuẩn theo Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ Y tế (đính kèm) và các Quy trình, Quy định ban hành tại Bệnh viện.
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy định tổ chức công tác vệ sinh môi trường bệnh viện số 09/QĐ-BVĐHYD ngày 30/09/2022 của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh ban hành (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn làm sạch bằng phương pháp quan sát hiệu suất thực hiện: đánh giá mức độ hiệu quả của nhân viên vệ sinh và sự tuân thủ quy trình (nhằm đánh giá kỹ thuật lau và nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn đặc biệt trong khu vực chăm sóc đặc biệt và khu cách ly).

- Đạt tiêu chuẩn theo phương pháp đánh giá trực quan về mức độ sạch: sau khi vệ sinh một khu vực, nhân viên giám sát kiểm tra mức độ sạch sẽ của các vật dụng (VD: Giám sát đeo găng tay lau bề mặt để kiểm tra bụi).
- Tuân thủ theo Quy định phương pháp đánh giá hiệu quả, chất lượng vệ sinh khử khuẩn môi trường bề mặt số 21/Qđ-BVĐHYD ngày 07/04/2021 (đính kèm).
- Tuân thủ theo Quy định vệ sinh khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế số 21/Qđ-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).
- Tuân thủ theo Quy định vệ sinh khử khuẩn bề mặt khi chuyển người bệnh sau ghép tạng thực hiện MRI, CT, DSA số 17/Qđ-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).
- Tuân thủ theo Quy định vệ sinh khử khuẩn phòng khi tiến hành ghép tạng số 18/Qđ-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy định đánh giá mức độ ô nhiễm vi sinh môi trường số 22/Qđ-BVĐHYD ngày 22/06/2020 của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối lâm sàng (thường quy & tổng thể) số 57/Qtr-BVĐHYD ngày 30/9/2022 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình vệ sinh môi trường tại khu vực chăm sóc người bệnh tại khối lâm sàng (chuyển bệnh/xuất viện) số 62/Qtr-BVĐHYD ngày 30/9/2022 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối hồi sức và phòng bệnh nặng (thường quy và tổng thể) số 61/Qtr-BVĐHYD ngày 30/9/2022 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối hồi sức/phòng bệnh nặng (chuyển viện/xuất viện) số 60/Qtr-BVĐHYD ngày 30/9/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ theo Quy trình vệ sinh môi trường bề mặt phòng/khu phẫu thuật số 151/Qtr-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).
- Tuân thủ theo Quy trình vệ sinh khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế lưu động trước khi chuyển vào khu vực hồi sức sau ghép tạng số 141/Qtr-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình vệ sinh môi trường tại khu vực vệ sinh trang thiết bị y tế nhóm 1 số 146/Qtr-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình vệ sinh khử khuẩn khi phát triển tràn/đổ máu và dịch cơ thể số 59/Qtr-BVĐHYD ngày 30/9/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ theo Quy trình xử lý khi phát hiện bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiếp xúc, giọt bắn, không khí số 91/Qtr-BVĐHYD ngày 22/11/2022 (đính kèm).

- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình đánh giá chất lượng vệ sinh khử khuẩn môi trường bề mặt bằng phương pháp phát quang sinh học ATP số 16/QTr-BVĐHYD ngày 07/4/2021 (đính kèm).
- Đạt tiêu chuẩn theo Quy trình đánh giá chất lượng vệ sinh bằng huỳnh quang số 152/QTr-BVĐHYD ngày 22/06/2023 (đính kèm).

Khi có quy định, quy trình mới do các cơ quan quản lý Nhà nước hoặc Bệnh viện ban hành nhà thầu phải tuân thủ thực hiện.

3.2.2 Quy định về công tác quản lý chất thải y tế tại Bệnh viện

- Tuân thủ Quy định Thu gom và lưu giữ chất thải rắn y tế số 11/QĐ-BVĐHYD ngày 03/11/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ Quy định Quản lý chất thải rắn tái chế số 15/QĐ-BVĐHYD ngày 14/11/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ Quy định Quản lý chất thải lỏng và khí số 16/QĐ-BVĐHYD ngày 14/11/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ Quy định Phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn số 42/QĐ-BVĐHYD ngày 31/07/2023 (đính kèm)
- Tuân thủ Quy trình Phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt số 98/QTr-BVĐHYD ngày 02/12/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ Quy trình Phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn tái chế số 99/QTr-BVĐHYD ngày 02/12/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ Quy trình Phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải nguy hại không lây nhiễm số 100/QTr-BVĐHYD ngày 02/12/2022 (đính kèm).
- Tuân thủ Quy trình Phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải lây nhiễm số 101/QTr-BVĐHYD ngày 02/12/2022 (đính kèm).

Khi có quy định, quy trình mới do các cơ quan quản lý Nhà nước hoặc Bệnh viện ban hành nhà thầu phải tuân thủ thực hiện.

3.3. Các cấp độ vệ sinh

3.3.1. Vệ sinh đáp ứng nhanh/trực: Nhân viên vệ sinh phải làm sạch và khử khuẩn ngay lập tức khi Bệnh viện thông báo vụ dịch và khi Bệnh viện thông báo ca bệnh truyền nhiễm (nguy cơ lây nhiễm cao) nhằm ngăn chặn kịp thời nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.3.2. Vệ sinh tổng thể: Nhân viên vệ sinh phải làm sạch và khử khuẩn định kỳ tất cả các bề mặt (có/không có vết bẩn) tại khu vực phụ trách nhằm duy trì sự sạch sẽ và hạn chế nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.3.3. Vệ sinh thường quy duy trì cấp 1: Nhân viên vệ sinh phải luôn có mặt để làm sạch và khử khuẩn hàng ngày tất cả các bề mặt (có khoảng cách từ 2 mét trở xuống sàn) tại khu vực phụ trách, gồm: phòng mổ, phòng thủ thuật, khu kỹ thuật cận lâm

sàng, khu cấp cứu, khu hồi sức, khu chờ khám, khu vệ sinh công cộng nhằm duy trì sự sạch sẽ và hạn chế nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.3.4. Vệ sinh thường quy duy trì cấp 2: Nhân viên vệ sinh thường xuyên có mặt hàng ngày để làm sạch và khử khuẩn (nếu cần) các bề mặt (có khoảng cách từ 2 mét trở xuống sàn) tại khu vực phụ trách, gồm: hành lang, ngoại cảnh, sân, vỉa hè, khu hành chính, khu lưu chất thải tập trung nhằm duy trì sự sạch sẽ và hạn chế nguy cơ lây lan tác nhân gây bệnh.

3.3.5. Vệ sinh thường quy đối với từng khu vực nguy cơ:

Nguyên tắc về	Khu vực nguy cơ rất cao	Khu vực nguy cơ cao	Khu vực nguy cơ trung bình và thấp
Tần suất	- Theo hướng dẫn từ Bộ Y tế - Khi có yêu cầu của NVYT - Cuối tuần và cuối tháng theo quy định có trước đó	- Theo hướng dẫn từ Bộ Y tế - Cuối tuần và cuối tháng: có lịch vệ sinh cụ thể và được sắp xếp trước	- Theo hướng dẫn từ Bộ Y tế - Cuối tuần, cuối tháng: khi Bệnh viện có thể sắp xếp được
Hóa chất	- Chất tẩy rửa với mục đích làm sạch chất hữu cơ, vô cơ (máu, dịch, dầu mỡ, a-xít tẩy rửa) - Dung dịch khử khuẩn pha đúng nồng độ quy định của bệnh viện hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất	- Chất tẩy rửa với mục đích làm sạch - Dung dịch khử khuẩn pha đúng nồng độ quy định của bệnh viện hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất	- Chất tẩy rửa với mục đích làm sạch - Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình
Móp và khăn lau	- Dùng một lần và không nhúng, giặt tại nơi sử dụng - Có mã màu theo quy định	- Dùng một lần và không nhúng, giặt tại nơi sử dụng - Có mã màu theo quy định	- Dùng một lần và không nhúng, giặt tại nơi sử dụng - Có mã màu theo quy định
Trang phục	- Có phương tiện phòng hộ cá nhân (áo choàng, 2 lớp khẩu trang y tế, kính/tấm che mặt, găng tay sạch dày và dài quá cổ tay) khi thu gom, dọn dẹp trong vùng có NB lây nhiễm	- Có đồng phục riêng cho nhân viên vệ sinh trong khu vực phòng mổ, khu hồi sức,... - Có áo choàng bên ngoài dài qua khỏi đầu gối cho nhân viên khi có nhu cầu ra ngoài khu vực vô khuẩn	- Bình thường theo quy định trang phục cho nhân viên vệ sinh hàng ngày của Bộ Y tế

Nguyên tắc về	Khu vực nguy cơ rất cao	Khu vực nguy cơ cao	Khu vực nguy cơ trung bình và thấp
Biển báo “đang làm vệ sinh”	- Khi lau và khử khuẩn phải có biển báo (chỉ mở cửa ra vùng không có người qua lại giúp làm giảm mùi hóa chất)	- Khi lau phải có biển báo	- Khi lau phải có biển báo
Bảng kiểm/ Bảng hướng dẫn	- Có bảng hướng dẫn cho NVYT và cho NB, người nhà NB giữ vệ sinh chung - Có bảng kiểm đánh giá công việc hàng ngày được dán ngay nơi cần vệ sinh	- Có bảng kiểm đánh giá công việc hàng ngày được dán ngay nơi cần vệ sinh	- Có bảng kiểm đánh giá công việc định kỳ

3.4. Tần suất vệ sinh

3.4.1. Tần suất thực hiện: Theo các Quy định, Quy trình của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- Quy định vệ sinh khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế số 07/QĐ-BVĐHYD ngày 31/05/2018;
- Quy trình vệ sinh môi trường tại khu vực vệ sinh trang thiết bị y tế nhóm 1 số 146/QTr-BVĐHYD ngày 22/06/2023;
- Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường phòng/khu phẫu thuật số 151/QTr-BVĐHYD ngày 22/06/2023. Theo sắp xếp lịch tổng thể và phun sương khử khuẩn của khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn (đính kèm).

3.4.2. Cơ sở hạ tầng: Tần suất khử khuẩn bề mặt tiếp xúc thường xuyên cao hơn bề mặt ít tiếp xúc. Những bề mặt thuộc loại này cần được làm sạch ít nhất 2 lần/ngày với các khu vực chăm sóc, điều trị thông thường và nhiều hơn 2 lần/ngày với bề mặt tại khu vực yêu cầu vô khuẩn hoặc khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao. Tần suất làm sạch/ khử khuẩn có thể cao hơn nếu mức độ quá tải người bệnh cao, đặc biệt là với những bề mặt có tần suất tiếp xúc cao.

3.4.3. Vệ sinh ngay lập tức: khi có tràn, vương vãi, bắn, dịch máu, dịch cơ thể hoặc theo yêu cầu của khoa lâm sàng.

3.5. Chi tiết công việc làm sạch

- Thực hiện công việc làm sạch có diện tích, số ngày làm sạch và số lần làm sạch theo bảng 4.1 Khu vực, diện tích, tần suất (diện tích được tính theo tìm tường).
- Công việc cụ thể theo Bảng chi tiết công việc làm sạch tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm).

- Thực hiện dịch vụ làm sạch theo tiêu chuẩn quy định tổ chức công tác vệ sinh môi trường bệnh viện (Quy định số 09/QĐ-BVĐHYD ngày 30/09/2022 do Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh ban hành).
- Làm sạch trang thiết bị y tế theo tần suất trong quy trình Bệnh viện đã ban hành (đính kèm).
- Làm vệ sinh tổng thể theo lịch vệ sinh tổng thể của phòng Quản trị tòa nhà và Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các công việc làm sạch hàng ngày, tổng thể hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, 06 tháng hoặc theo sắp xếp của khoa/phòng tại các khu vực làm sạch mà nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện, cụ thể.

3.5.1 Công việc định kỳ mỗi ngày

- Thực hiện đánh sàn sạnh, hành lang lầu 3 khu A mỗi ngày vào buổi sáng (05h-06h sáng hoặc theo yêu cầu của Bệnh viện).
- Thực hiện đánh sàn sạnh tầng trệt; Lầu 1 khu A; tầng trệt và Lầu 1 khu B vào cuối ngày.
- Chà rửa các nhà vệ sinh công cộng vào cuối ngày.
- Duy trì sạch bóng các bề mặt bằng kim loại của các thiết bị, dụng cụ công cộng như thang máy, thang cuốn, nẹp cửa, tay vịn,...).
- Vệ sinh các rãnh thoát nước khu vực lầu 4 khu A.
- Hút bụi thảm Hội trường và Giảng đường hàng ngày.
- Làm sạch tất cả các cầu thang bộ từ lầu 6 xuống Hầm 2 vào cuối ngày làm việc hoặc buổi tối.

3.5.2 Công việc định kỳ hàng tuần

- Vệ sinh mái đón canopy khu vực cấp cứu
- Vệ sinh quạt trần, quạt treo.
- Vệ sinh các lam thông gió, tháp thông gió.
- Vệ sinh khu vực cổng Bệnh viện định kỳ vào thứ 7 hoặc chủ nhật hàng tuần.
- Vệ sinh rãnh nước tại tầng trệt, hầm 1, hầm 2.
- Giặt thảm trải đón tiếp khách.
- Đánh sàn nhà, chà rửa các rãnh thoát nước, lau bụi bề mặt (độ cao từ 2m trở xuống).
- Vệ sinh, chà rửa tất cả các thùng rác.
- Vệ sinh, xịt nước rửa sàn bãi xe hầm 1, hầm 2.
- Vệ sinh tổng thể tất cả các khu vực cầu thang bộ.

3.5.3 Công việc định kỳ 30 ngày/lần

- Làm sạch tất cả các miệng gió của hệ thống điều hòa không khí trung tâm lắp trên trần (làm cùng lượt với việc vệ sinh tổng thể). Làm sạch bằng cọ tròn và máy hút bụi.
- Lau bụi các camera ghi hình.
- Giặt thảm: phòng họp 410, phòng họp 401, thảm chùi chân của khu vực tầng trệt...
- Phủ bóng tất cả các bề mặt inox bằng hóa chất chuyên dụng.
- Phòng máy Chiller: hút bụi, lau máy móc, đường ống, tường, trần, quét văng nhện... Vệ sinh các máy móc kỹ thuật (bơm Chiller, máy phát điện, tủ điện, trang thiết bị y tế...) phải có sự giám sát của nhân viên kỹ thuật bên Bệnh viện.
- Phòng UPS, tủ điện, trạm biến áp, bồn dầu, bể nước sinh hoạt và bơm chữa cháy: hút bụi, lau tường, trần...
- Phòng AHU: hút bụi, lau đường ống (khi cần thiết), tường, trần, quét văng nhện...
- Phòng quạt: hút bụi, lau tường, trần, louver, bề mặt ngoài máy quạt.

3.5.4 Công việc định kỳ 60 ngày/lần, 90 ngày/lần và 180 ngày/lần

- Vệ sinh tường, trần, louver, bề ngoài miệng gió,...bãi xe hầm 1, hầm 2 định kỳ **60 ngày/lần**.
- Đánh bóng (wax) các khu vực sàn vinyl (khu CSSD, khoa Gây mê hồi sức, các khu vực Hồi sức, khu vực Đơn vị can thiệp nội mạch - DSA, các phòng chăm sóc đặc biệt...) định kỳ **90 ngày/lần**.
- Giặt sạch các ghế salon định kỳ **90 ngày/lần** các Phòng/Khoa/Đơn vị có ghế salon.
- Giặt thảm hội trường và giảng đường định kỳ **90 ngày/lần** nhưng phải giặt ngay khi có vết bẩn theo yêu cầu của Bệnh viện.
- Giặt ghế hội trường và giảng đường định kỳ **180 ngày/lần**.

3.5.5 Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải thực hiện phương pháp làm sạch không dùng chổi quét tại tất cả các khu vực, trừ ngoại cảnh; lau sàn theo quy trình 01 xô 01 chiều; lau bề mặt theo quy tắc 04 xô (tương ứng với 04 mức độ nguy cơ lây nhiễm).
- Nhà thầu phải thực hiện chế độ trực các ngày nghỉ, Lễ, Tết đối với các khu vực quy định.
- Nhà thầu phải cung cấp hồ sơ, chứng từ hóa chất, máy móc thiết bị, bao chứa chất thải và các số liệu liên quan đến công tác làm sạch khi có yêu cầu của Bệnh viện.
- Sẵn sàng phục vụ các chương trình hoạt động hội nghị, hội thảo, khám từ thiện,... được tổ chức tại Bệnh viện (kể cả chủ nhật nếu có), bố trí tối thiểu 2 người.
- Đối với các khu vực có thi công sửa chữa trong khuôn viên Bệnh viện thì nhà thầu thi công xây dựng sẽ thực hiện việc dọn xà bần cơ bản, nhà thầu làm sạch thực hiện

việc vệ sinh tổng thể của khu vực này để đưa vào hoạt động và không được tính bất kỳ chi phí phát sinh nào.

- Sẵn sàng đáp ứng bố trí đầy đủ nhân sự tối thiểu 4 người (3 nhân viên và 1 đốc công) và tự trang bị đầy đủ dụng cụ làm sạch, phương tiện phòng hộ cá nhân: như khẩu trang N95 (hoặc tương đương) và áo choàng/bộ trang phục phòng hộ và các phương tiện khác theo quy định của Bệnh viện và Bộ Y tế...để thực hiện vệ sinh phòng chống dịch/đột xuất 24/24; trong trường hợp xuất hiện các bệnh truyền nhiễm; trường hợp bệnh tử vong, các trường hợp đột xuất khác.... trong các ngày làm việc, ngày nghỉ.
- Vệ sinh khu vực vỉa hè đường Hồng Bàng, Tân Đà, Mạc Thiên Tích, Đặng Thái Thân nhà thầu phải vệ sinh bao gồm 1 mét phần lòng đường.
- Được cung cấp 1 văn phòng và 1 nhà kho, số điện thoại nội bộ để phục vụ công tác làm sạch.

3.5.6 Thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải y tế

- Thực hiện phân loại chất thải tại Bệnh viện theo đúng quy định. Đối với chất thải thông thường tái chế thì nhà thầu phân loại theo danh mục thu gom của hợp đồng đã ký giữa Bệnh viện và đơn vị thu gom như chai nhựa dẻo, chai nhựa cứng, chai – lon nước, can nhựa, giấy carton, giấy vụn, thủy tinh...Đồng thời, nhà thầu phải dọn dẹp thu xếp liên tục các thùng carton phát sinh tại các kho dược, kho hóa chất, nhà thuốc của Bệnh viện, không bị tồn ứ.
- Thu gom chất thải từ các thùng chứa chất thải đến vị trí quy định tại mỗi tầng theo tần suất quy định. Vận chuyển từ vị trí tại mỗi tầng đó đến nhà chứa chất thải tập trung theo đúng nhóm chất thải quy định, giao cho công ty thu gom theo giờ quy định theo bảng 6.4.
- Thu gom chất thải thông thường và tái chế trước, sau đó mới thu gom chất thải nguy hại, chất thải lây nhiễm. Thực hiện đúng quy trình lấy chất thải, mang bao tay và vệ sinh tay sau khi thu gom.

3.6. Quy trình làm sạch:

STT	Quy trình
Các quy trình bắt buộc áp dụng theo Bệnh viện ban hành	
1.	Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối lâm sàng (thường quy & tổng thể)
2.	Quy trình vệ sinh môi trường tại khu vực chăm sóc người bệnh tại khối lâm sàng (chuyển bệnh/xuất viện)
3.	Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối hồi sức và phòng bệnh nặng (thường quy và tổng thể)

STT	Quy trình
4.	Quy trình vệ sinh bề mặt môi trường khu vực chăm sóc người bệnh tại khối hồi sức/phòng bệnh nặng (chuyển viện/xuất viện)
5.	Quy trình vệ sinh môi trường bề mặt phòng/khu phẫu thuật
6.	Quy trình vệ sinh khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế lưu động trước khi chuyển vào khu vực hồi sức sau ghép tạng
7.	Quy trình vệ sinh môi trường tại khu vực vệ sinh trang thiết bị y tế nhóm 1
8.	Quy trình Vệ sinh khử khuẩn bề mặt TTBYT nhóm 1
9.	Quy trình vệ sinh khử khuẩn khi phát triển tràn/đổ máu và dịch cơ thể
10.	Quy trình đánh giá chất lượng vệ sinh môi trường bề mặt bằng phương pháp huỳnh quang
11.	Quy trình đánh giá chất lượng vệ sinh môi trường bề mặt bằng phương pháp phát quang sinh học ATP
12.	Quy trình xử lý khi phát hiện bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiếp xúc, giọt bắn, không khí
13.	Quy trình Phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao các loại chất thải rắn
Các quy trình do nhà thầu xây dựng	
1.	Quy trình làm sạch bề mặt phòng bệnh và đồ nội thất
2.	Quy trình sử dụng và pha loãng hóa chất
3.	Quy trình thu gom, phân loại và vận chuyển mốp dơ
4.	Quy trình phân phát mốp sạch, thu gom mốp đã sử dụng
5.	Quy trình làm sạch các khu vực cận lâm sàng
6.	Quy trình làm sạch các khu vực ngoại trú
7.	Quy trình làm sạch các khu vực hành chính
8.	Quy trình làm sạch khu vực lưu chứa chất thải
9.	Quy trình làm sạch khu vực sảnh, sân, vườn
10.	Quy trình làm sạch hồ nước Lầu 4 khu A
11.	Quy trình làm sạch các miệng gió của hệ thống điều hòa không khí trung tâm
12.	Quy trình làm sạch thang máy, thang cuốn

STT	Quy trình
13.	Quy trình làm sạch mái canopy, mái vòm hầm 1
14.	Quy trình làm sạch, đánh bóng sàn vinyl
15.	Quy trình làm sạch sàn bằng các máy làm sạch (Chà sàn liên hợp, Chà sàn đơn)
16.	Quy trình làm sạch tường giấy
17.	Quy trình hút bụi, giặt thảm, ghế salon
18.	Quy trình lau kính
19.	Phương án làm sạch phần đá granite và kính mặt ngoài của tòa nhà (dự phòng để triển khai khi cần thiết)
20.	Quy trình phân loại, thu gom và vận chuyển chất thải đến khu lưu giữ chất thải tạm thời đúng quy định theo hướng dẫn của Bộ Y tế
21.	Quy trình làm sạch các khu vực kỹ thuật trong nhà (PS, EPS, AHU, phòng Chiller, phòng UPS, phòng máy phát điện, phòng bồn dầu, phòng bơm chữa cháy, phòng khí y tế, phòng quạt)
22.	Quy trình làm sạch tầng mái 1, mái 2, mái tôn

4. Khu vực, diện tích, tần suất: Thực hiện theo bảng 4.1 như sau

Bảng 4: Khu vực, diện tích, tần suất

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
	KHU A					
1	HẦM 2	2.692,10				
1,1	Khu hành chính					
	<i>Khoa Giải phẫu bệnh</i>	64,80	553	4	1	7
	<i>Bảo trì thiết bị y tế</i>	53,68	553	4	1	30
1,2	Khoa vi sinh	122,00	730	2	2	7
1,3	Kho					
	<i>Kho Vật tư y tế</i>	94,24	553	4	1	30
	<i>Kho vật tư thông dụng</i>	57,00	553	4	1	30
	<i>Kho lưu chứa chất thải</i>	83,49	553	4	1	30
	<i>Kho đồ vải</i>	101,00	730	4	2	14
	<i>Kho hồ sơ (phòng TCKT)</i>	120,00	24	4	1	30
1,4	Tổ xe	16,64	730	4	1	30

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
1,5	Phòng Bảo trì Quản trị tòa nhà	74,10	730	4	1	30
1,6	Phòng sinh học phân tử	16,75	730	4	1	30
1,7	Phòng khí y tế	68,83	208	5	1	90
1,8	Phòng UPS	72,71	24	5	1	30
1,9	Phòng máy Chiller	623,81	104	5	1	30
1,10	Tủ điện trạm biến áp, máy phát điện, bồn dầu	486,53	104	5	1	30
1,11	Bể nước sinh hoạt và bơm chữa cháy	153,85	24	5	1	30
1,12	Phòng quạt	20,33	24	5	1	30
1,13	Khu PS&EPS	39,98	24	5	1	30
1,14	Khu hành lang và thang bộ	422,36	553	4	2	30
1,15	Khu vệ sinh công cộng	28,78	730	2	Liên tục	7
1,16	Đường ống, tường bao quanh 2m trở lên, trần bãi xe	Trọn gói/lần thực hiện	12	khác	1	60
1,17	Bãi xe - Hàng ngày: Vệ sinh lối đi - Cuối tuần: Vệ sinh, xịt rửa toàn bộ bãi xe - Tổng thể theo định kỳ 6 tháng/lần	Trọn gói/lần thực hiện	553	khác	1	180
2	Hầm 1	1.666,31				
2,1	Khu hành chính					
	<i>Phòng Quản trị tòa nhà</i>	<i>46,44</i>	<i>553</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>90</i>
	<i>Khoa Dược - Vật tư y tế tiêu hao</i>	<i>25,84</i>	<i>553</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>90</i>
	<i>Phòng bảo vệ</i>	<i>16,75</i>	<i>553</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>90</i>
2,2	Phòng tổ vận chuyển	12,43	730	4	1	30
2,3	Phòng Công nghệ thông tin	42,56	730	4	1	30
2,4	Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn	48,64	730	4	1	30
2,5	Kho Dược					
	<i>Kho chính</i>	<i>57,48</i>	<i>553</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>14</i>
	<i>Kho thuốc ngoại</i>	<i>63,01</i>	<i>553</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>14</i>
	<i>Kho hóa chất xét nghiệm</i>	<i>20,48</i>	<i>553</i>	<i>4</i>	<i>1</i>	<i>14</i>
	<i>Kho lẻ</i>	<i>105,09</i>	<i>730</i>	<i>4</i>	<i>2</i>	<i>14</i>
2,6	Phòng siêu âm 16-19	57,00	553	2	2	7
2,7	Khu hành lang và thang bộ	462,07	553	4	2	30
2,8	Khu vệ sinh công cộng	28,78	730	2	Liên tục	7
2,9	Phòng AHU	140,71	24	5	1	30
2,1	Khu xử lý nước thải	478,72	24	5	1	30
2,11	Phòng quạt	20,33	24	5	1	30

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
2,12	Khu PS&EPS	39,98	24	5	1	30
2,13	Đường ống, tường bao quanh 2m trở lên, trần bãi xe	Trộn gói/lần thực hiện	12	khác	1	60
2,14	Bãi xe - Hàng ngày: Vệ sinh lối đi - Cuối tuần: Vệ sinh, xịt rửa toàn bộ bãi xe - Tổng thể theo định kỳ 6 tháng/lần	Trộn gói/lần thực hiện	553	khác	1	180
3	Tầng trệt	4.576,29				
3,1	Các khu chức năng					
	<i>Phòng khám Quốc tế (GrA13)</i>	16,85	553	2	2	14
	<i>Quầy đăng ký khám bệnh</i>	90,88	553	2	2	14
	<i>Khoa Hóa trị ung thư</i>	113,40	553	2	2	7
	<i>Khoa Dược - Hiệu thuốc</i>	123,52	553	2	2	7
3,2	Khoa Chẩn đoán hình ảnh					
	<i>Khu vực chờ</i>	196,60	730	2	2	7
	<i>Phòng nhân viên điều khiển</i>	88,37	553	4	2	7
	<i>Hành lang và phòng nhân viên, quầy nhận bệnh</i>	258,04	553	4	2	14
	<i>Các phòng chụp Xquang, CT...</i>	337,37	553	2	2	7
3,3	Thang bộ số 2, 3, 4, 5 và thang cuốn	162,49	553	4	2	7
3,4	Thang bộ số 1, sảnh thang cuốn, sảnh thang máy, khu vực chờ, hành lang...	2.285,63	730	2	Liên tục	7
3,5	Phòng Bảo vệ	11,52	553	4	1	30
3,6	Khu Cấp cứu	428,15	730	1	4	7
3,7	Khu vệ sinh công cộng	106,02	730	1	Liên tục	7
3,8	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
3,9	Lồng thang máy	32,20	730	2	3	7
3,10	Bồn hoa (lối đi tháp thông gió và kho gas)	125,82	553	5	2	7
3,11	Lối đi tháp thông gió	135,04	553	5	1	7
3,12	Làm sạch đá granite tầng trệt, trần kính, mái đón canopy, mái che đường dốc xuống hầm...	Trộn gói/lần thực hiện	12	khác	1	60
3,13	Vách tường ốp gỗ từ tầng trệt lên lầu 1	Trộn gói/lần thực hiện	12	khác	1	60
3,14	Dốc xuống hầm 1	168,63	553	5	1	60

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
4	Lầu 1	3.092,23				
4,1	Khu phòng khám	1.789,74	553	2	2	7
4,2	Hành lang, sảnh thang máy, cầu thang bộ, khu vực chờ	1.131,49	553	2	Liên tục	7
4,3	Khu vệ sinh công cộng	106,61	553	1	Liên tục	7
4,4	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
5	Lầu 2	3.396,86				
5,1	Thang bộ số 2, 3, 4, 5	88,32	553	4	1	7
5,2	Thang bộ số 1, sảnh thang máy E1-E9	364,20	730	2	2	7
5,3	Khu vệ sinh công cộng	21,26	730	1	Liên tục	7
5,4	Khu Hành lang					
	<i>Hành lang chính</i>	<i>255,43</i>	<i>730</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>7</i>
	<i>Hành lang khu phòng mổ</i>	<i>258,77</i>	<i>730</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>7</i>
	<i>Hành lang đồ dơ</i>	<i>285,81</i>	<i>730</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>7</i>
5,5	Kho sạch	85,46	730	2	1	7
5,6	Hồi sức sau ghép	57,24	730	1	Theo ca mổ	7
5,7	Phòng mổ	-	730	1	Theo ca mổ	7
	<i>Phòng mổ 1,2</i>	<i>110,83</i>				
	<i>Phòng mổ 3</i>	<i>51,06</i>				
	<i>Phòng mổ 4</i>	<i>48,01</i>				
	<i>Phòng mổ 5,6</i>	<i>127,82</i>				
	<i>Phòng mổ 7</i>	<i>53,13</i>				
	<i>Phòng mổ 8</i>	<i>50,05</i>				
	<i>Phòng mổ 9,10</i>	<i>122,84</i>				
	<i>Phòng mổ 11</i>	<i>51,06</i>				
	<i>Phòng mổ 12</i>	<i>48,10</i>				
	<i>Phòng mổ 13</i>	<i>39,68</i>				
	<i>Phòng mổ 14</i>	<i>42,18</i>				
	<i>Phòng mổ 15</i>	<i>53,15</i>				
5,8	Khu vực đồ dịch	19,60	730	1	2	7
5,9	Khu nhân viên	558,59	730	4	2	7
5,10	Phòng huấn luyện mô phỏng	61,64	312	4	1	30
5,11	Khu Tiền phẫu - Hồi tỉnh	324,25	730	2	3	7
5,12	Kho vật tư y tế	34,98	730	2	1	7
5,13	Khu kiểm soát nhiễm khuẩn	65,01	730	2	2	7
5,14	Phòng AHU	54,00	24	5	1	30
5,15	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
6	Lầu 3	2.330,34				
6,1	Khu hội trường					
	Hội trường (352 chỗ)	444,67	553	4	1	60
	Giảng đường 3A	104,30	553	4	1	60
	Giảng đường 3B	76,11	553	4	1	60
	Phòng Giảng viên	26,12	553	4	1	60
6,2	Khu vực CSSD	277,93	730	1	2	7
6,3	Khu vệ sinh công cộng	87,11	730	1	Liên tục	7
6,4	Thang bộ số 1, sảnh thang máy E1-E9	514,68	730	2	Liên tục	7
6,5	Thang bộ số 2, 3, 4, 5	137,57	553	4	Liên tục	7
6,6	Sảnh, hành lang hội trường	270,39	553	4	Liên tục	7
6,7	Phòng AHU	327,07	24	5	1	30
6,8	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
7	Lầu 4	2.991,07				
7,1	Khu sảnh, hành lang, thang bộ	567,50	553	2	2	7
7,2	Thang bộ số 2,3	51,20	312	4	1	7
7,3	Khu hành chính	883,10	553	4	1	90
7,4	Khu vệ sinh công cộng	41,92	730	1	Liên tục	7
7,5	Khu pha chế súp sữa	49,37	730	4	2	7
7,6	Sân vườn (phần lát gạch)	495,77	553	5	1	30
7,7	Sân vườn (phần Thảm cỏ, bồn hoa)	709,14	208	5	1	30
7,8	Hồ nước	128,68	208	5	1	30
7,9	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
8	Lầu 5	2.015,34				
8,1	Hội sức nội					
	Khu vực chăm sóc đặc biệt	468,92	730	1	3	7
	Khu nhân viên + thân nhân	147,62	730	4	3	7
8,2	Hội sức ngoại					
	Khu vực chăm sóc đặc biệt	433,70	730	1	3	7
	Khu nhân viên	137,45	730	4	3	7
8,3	Khu nhân viên					
	Phòng (05D01 - 05D05)	83,70	730	4	3	7
	Sảnh thang máy, hành lang	125,58	730	4	2	14
	Phòng trưởng khoa + Phòng (05D06 - 05D08)	73,12	730	4	3	7
	Phòng thay đồ nhân viên + kho thiết bị	65,14	730	4	1	7
8,4	Phòng siêu âm tim	37,81	553	2	2	7

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
8,5	Khu vệ sinh công cộng	10,40	730	1	Liên tục	7
8,6	Sảnh hành lang, cầu thang bộ	226,41	730	2	2	7
8,7	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	7
8,8	Phòng AHU	89,90	24	5	1	30
8,9	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
9	Lầu 6	2.018,74				
9,1	Khoa xét nghiệm	440,86	730	2	2	7
9,2	Khoa răng hàm mặt	89,50	553	2	2	7
9,3	Khoa nội soi	118,10	553	2	2	7
9,4	Phòng chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền (DSA)					
	<i>Khu văn phòng</i>	60,60	730	4	2	7
	<i>Phòng điều khiển, phòng chụp DSA</i>	131,44	730	1	Theo ca mổ	7
	<i>Hành lang</i>	64,88	730	2	2	7
	<i>Khu Hồi sức</i>	52,22	730	1	2	7
9,5	Phòng siêu âm	33,48	553	2	2	7
9,6	Khu phẫu thuật trong ngày					
	Hành lang, khu chờ	118,59	605	2	2	14
	Phòng điều dưỡng, tư vấn, họp, bác sĩ, thay đồ	92,04	605	4	1	7
	Phòng hồi tỉnh	46,29	605	1	2	7
	Phòng tiền phẫu	40,49	605	1	2	7
	Phòng mổ mắt	24,80	605	1	Theo ca mổ	7
	Khu phòng mổ	77,35	605	1	Theo ca mổ	7
	Khu vệ sinh	5,46	605	1	Liên tục	7
9,7	Thang bộ số 1, sảnh thang máy E4,5,6,7,8,9	174,63	730	2	2	7
9,8	Sảnh thang máy E1,2,3, hành lang khoa Răng Hàm Mặt, khoa Nội Soi	171,55	553	2	2	7
9,9	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	7
9,10	Khu vệ sinh công cộng	43,03	730	1	Liên tục	7
9,11	Phòng máy (AHU, CPU)	117,84	24	5	1	30
9,12	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
10	Lầu 7	2.018,61				
10,1	Các phòng điều trị nội trú	1.117,22	730	2	2	7
10,2	Phòng chăm sóc đặc biệt	37,20	730	1	3	7
10,3	Phòng Khám Quốc tế	40,92	553	2	2	14

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
10,4	Phòng chờ thủ thuật	37,20	730	2	2	14
10,5	Đơn vị gắng sức tim phổi	37,20	730	2	2	14
10,6	Thang bộ số 1, sảnh thang máy E1-E9	633,28	730	2	2	14
10,7	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
10,8	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
11	Lầu 8	2.018,61				
11,1	Các phòng điều trị nội trú	1.195,34	730	2	2	7
11,2	Khoa Da liễu - Thẩm mỹ da	37,20	730	2	2	14
11,3	Khoa Nội Cơ xương khớp	37,20	730	2	2	14
11,4	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
11,5	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
11,6	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
12	Lầu 9	2.018,61				
12,1	Các phòng điều trị nội trú	1.111,02	730	2	2	7
12,2	Phòng chăm sóc sau ghép	43,40	730	1	3	7
12,3	Khoa Nội thận - Thận nhân tạo	115,32	730	1	Theo ca	7
12,4	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
12,5	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
12,6	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
13	Lầu 10	2.018,61				
13,1	Các phòng điều trị nội trú	1.111,02	730	2	2	7
13,6	Phòng chăm sóc sau ghép	43,40	730	1	3	7
13,7	Khoa phục hồi chức năng	40,92	553	2	2	7
13,2	Phòng xử lý nước RO	37,20	730	2	2	14
13,3	Phòng 29	37,20	730	2	2	14
13,4	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
13,5	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
13,8	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
14	Lầu 11	2.018,61				
14,1	Các phòng điều trị nội trú	1.195,34	730	2	2	7
14,2	Khoa Giải phẫu bệnh	37,20	730	2	2	14
14,3	Phòng tiền phẫu	37,20	730	2	2	14
14,4	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
14,5	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
14,6	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
15	Lầu 12	2.018,61				
15,1	Các phòng điều trị nội trú	1.185,89	730	2	2	7
15,2	Phòng đo áp lực hậu môn phân giải cao	37,20	730	2	2	14
15,3	Phòng TDCN Tai mũi họng	37,20	730	2	2	14
15,4	Phòng đo thính lực	9,45	553	2	2	7
15,5	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
15,6	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
15,7	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
16	Lầu 13	2.018,61				
16,1	Các phòng điều trị nội trú	1.117,22	730	2	2	7
16,2	Phòng chăm sóc đặc biệt	37,20	730	1	3	7
16,3	ĐV rối loạn vận động tiêu hóa	37,20	730	2	2	14
16,4	Phòng nội soi phế quản	37,20	730	2	2	14
16,5	Khoa tạo hình - Thẩm mỹ	40,92	553	2	2	7
16,6	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
16,7	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
16,8	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
17	Lầu 14	2.018,61				
17,1	Các phòng điều trị nội trú	1.101,37	730	2	2	7
17,2	Phòng chăm sóc đặc biệt	71,60	730	1	3	7
17,3	PK chuyên gia thần kinh	11,60	553	2	2	14
17,4	ĐV tâm lý lâm sàng	12,20	553	2	2	14
17,5	Kho hồ sơ	35,77	730	2	2	14
17,6	Điều trị trong ngày (Đánh giá chức năng nhận thức thần kinh)	37,20	730	2	2	14
17,7	Thang bộ số 1, sảnh thang máy, hành lang	633,28	730	2	2	14
17,8	Thang bộ số 2, 3	51,20	312	4	1	14
17,9	Khu PS&EPS	64,39	24	5	1	30
18	Tầng mái 1	2.020,73				
18,1	Sảnh hành lang, cầu thang bộ	191,70	24	5	1	14
18,2	Phòng máy	398,96	24	5	1	30
18,3	Sân ngoài	1.430,07	48	5	1	30
19	Tầng mái 2	231,02				
19,1	Cầu thang bộ	26,58	24	5	1	14

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
19,2	Khu bồn nước	204,44	24	5	1	30
	KHU B					
1	Tầng trệt	2.252,16				
1,1	Hành lang (phòng xét nghiệm và thang máy)	171,35	730	3	Liên tục	7
1,2	Hành lang, sảnh chờ, cầu thang	772,25	553	3	Liên tục	7
1,3	Khu phòng khám, hành chính	1.156,74	553	3	2	7
1,4	Khu khí y tế	27,84	24	5	1	30
1,5	Khu lưu chứa chất thải và kho đồ vải	48,23	730	4	2	7
1,6	Khu vệ sinh công cộng	66,75	730	1	Liên tục	7
1,7	Lồng thang máy	9,00	730	3	3	7
2	Lầu 1	2.288,56				
2,1	Hành lang, cầu thang	278,94	553	3	2	7
2,2	Khu phòng khám	676,17	553	3	2	14
2,3	Phòng vệ sinh nhân viên	10,47	553	3	Liên tục	7
2,4	Mái tôn	1.322,98	208	5	1	30
3	Lầu 2	967,61				
3,1	Đơn vị chuẩn đoán trước sinh	143,52	553	3	2	7
3,2	Khu điều trị nội trú	764,77	730	3	2	7
3,3	Khu nhân viên	51,42	730	4	2	14
3,4	Cầu thang sắt	7,90	553	5	1	14
4	Lầu 3	777,56				
4,1	Hành lang cầu thang	246,60	730	3	2	14
4,2	Các phòng điều trị nội trú	523,06	730	3	2	7
4,3	Cầu thang sắt	7,90	730	5	1	14
5	Lầu 4	797,06				
5,1	Khu phòng mổ	135,64	730	1	Theo ca mổ	7
5,2	Phòng hồi tỉnh, tiền phẫu, hậu phẫu	135,66	730	1	3	7
5,3	Phòng sinh 1,2	54,13	730	1	Theo ca	7
5,4	Phòng thủ thuật	27,80	730	1	Theo ca	7
5,5	Phòng đơn nguyên sơ sinh	42,88	730	1	2	7
5,6	Khu nhân viên	60,96	730	4	2	14
5,7	Hành lang cầu thang	127,91	730	3	2	14
5,8	Phòng để rác, rửa dụng cụ	10,55	730	2	2	7
5,9	Sê nô	193,63	104	5	1	30
5,10	Cầu thang sắt	7,90	730	5	1	14

STT	Khu vực	Diện tích (m ²)	Số ngày làm sạch (ngày)	Nhóm theo mức độ làm sạch	Số lần làm sạch tối thiểu/ngày	Tổng thể (ngày/lần)
1	2	3	4		5	6
6	Các khu phòng hành chính thuộc trường ĐH Y Dược	213,32				
6,1	Các phòng khu hành chính: 14.4; 14.5; 14.6; 14.7; 14.8	194,96	553	4	1	-
6,2	Phòng vệ sinh	18,36	553	3	2	-
KHU VỰC KHÁC						
1	Khu vực vỉa hè đường Hồng Bàng, Tân Đà, Mạc Thiên Tích, Đặng Thái Thân	1.546,19				
	Vỉa hè đường Hồng Bàng	803,62	730	5	Liên tục	7
	Vỉa hè đường Tân Đà	239,85	730	5	Liên tục	7
	Vỉa hè đường Mạc Thiên Tích	252,25	730	5	3	7
	Vỉa hè đường Đặng Thái Thân	250,47	730	5	3	7
2	Sân khu A, khu B, Tân Đà	1.124,27				
2,1	Sân (đường nhựa)	913,52	730	5	6	-
2,2	Bồn hoa thảm cỏ	210,75	553	5	2	-
3	Kho Hồ sơ Long An	Trọn gói/lần thực hiện	24	khác	1	-

Ghi chú: Số lần làm sạch trong ngày được cố định theo bảng trên đồng thời nhà thầu phải thực hiện duy trì và xử lý ngay lập tức các trường hợp phát sinh khác, đặc biệt là khu vực sảnh tầng trệt, lầu 1, khu vực ngoại cảnh, các cầu thang bộ...

Những khu vực có số ngày làm sạch 553 ngày được tính theo lịch làm việc của các khu vực này, thứ Bảy chỉ làm việc buổi sáng (tính 1/2 ngày).

4. Yêu cầu về nhân sự

STT	Nội dung
1.	Bố trí tối thiểu nhân sự theo bảng 5.1 bố trí nhân sự.
2.	Bố trí tối thiểu 15 nhân viên làm sạch tại khu vực nguy cơ cao (phòng mổ, tiền phẫu, hồi tỉnh, khu hồi sức tích cực, hồi sức ghép tạng, phòng chăm sóc sau ghép gan) có trình độ 09/12 và kinh nghiệm ≥ 01 năm làm việc tại các khu vực trên.
3.	Cam kết tất cả nhân viên của nhà thầu đều có giấy chứng nhận đào tạo quy định, quy trình vệ sinh môi trường bề mặt và quản lý chất thải trước khi làm việc tại Bệnh viện.

STT	Nội dung
	Trường hợp Bệnh viện tổ chức đào tạo và cấp giấy chứng nhận cho nhân viên của nhà thầu thực hiện công việc tại Bệnh viện thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm chi trả các chi phí cho khóa đào tạo này.
4.	Nhân viên làm sạch phải được tập huấn về kiến thức kiểm soát nhiễm khuẩn trước khi thực hiện dịch vụ làm sạch tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
5.	Về việc đào tạo liên tục cho nhân sự quản lý, đốc công và nhân viên làm sạch về quy định, quy trình làm sạch bệnh viện và công tác kiểm soát nhiễm khuẩn theo chương trình của Bộ Y tế - Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh: - Định kỳ tối thiểu 1 lần/năm; - Tổ chức theo quy định, quy trình về việc đào tạo liên tục của Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.
6.	Có bảng mô tả công việc: - Quản lý; - Đốc công; - Nhân viên mỗi vị trí làm sạch.
7.	Nhà thầu phải đảm bảo bố trí đầy đủ nhân sự làm sạch và có kế hoạch bổ sung nhân sự kịp thời đáp ứng việc làm sạch trong giờ cao điểm, trong những tình huống khẩn cấp, dịch bệnh, đột xuất và các chương trình hoạt động bổ sung của bệnh viện như hội nghị, hội thảo, khám bệnh đột xuất, chương trình từ thiện...
8.	Khi thay hoặc bổ sung nhân viên thì nhà thầu phải gửi giấy phân công vị trí việc làm và những thông tin lý lịch cơ bản của nhân viên.
9.	Thông báo tình hình làm sạch tại bệnh viện - Hàng tuần: họp giữa Quản lý, đốc công của nhà thầu và đại diện phòng Quản trị tòa nhà. - Hàng tháng: họp giữa đại diện hợp pháp của nhà thầu và lãnh đạo phòng Quản trị tòa nhà, khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.
10.	Nhân viên của nhà thầu phải: - Biết đọc viết chữ thành thạo. - Có lý lịch rõ ràng, có sức khỏe tốt. - Được khám sức khỏe đầy đủ.

STT	Nội dung
	- Thái độ làm việc nghiêm túc, chăm chỉ, trung thực, không có thói quen xấu. - Tác phong làm việc nhanh nhẹn, gọn gàng, lịch sự, mặc đồng phục không cũ, nhàu, có bảng tên. - Khi người bệnh hỏi thăm phải trả lời lễ phép, không cáu gắt, không trả lời cộc lốc. - Thân thiện với nhân viên Bệnh viện và người bệnh. - Không tự ý sử dụng các ổ điện, chỉ được sử dụng các ổ điện mà bệnh viện cho phép. - Không được sử dụng các chất thải của bệnh viện vào mục đích riêng. - Không hút thuốc, uống rượu bia trong bệnh viện. - Không trộm cắp tài sản của bệnh viện, người bệnh, thân nhân, nhân viên trong bệnh viện. - Không quá tuổi lao động, làm việc thao tác phải nhanh nhẹn. Nếu nhân sự chậm chạp do lớn tuổi hoặc do bản tính thì nhà thầu phải thay đổi nhân sự khác sau khi bị bên mời thầu nhắc nhở lần 3.
11.	Hàng ngày nhà thầu phải báo cáo cho Bệnh viện số lượng nhân viên làm việc trong ngày bằng dữ liệu trích xuất từ máy chấm công hoặc bảng chấm công do nhà thầu thực hiện có đầy đủ chữ ký của các nhân sự thực hiện
12.	Đối với các nhân sự làm việc trên cao (từ 2m trở lên), nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu sau: - Nhân viên thực hiện phải có chứng chỉ an toàn lao động. - Có giấy chứng nhận đã học tập và kiểm tra đạt yêu cầu về an toàn lao động. - Nhân sự là người khỏe mạnh (không có thai, không có tiền sử bệnh tim, huyết áp, tai điếc và mắt kém), nằm trong độ tuổi lao động do nhà nước quy định. - Có giấy chứng nhận đảm bảo sức khỏe làm việc trên cao do cơ quan y tế cung cấp (còn thời hạn tối thiểu 03 tháng tại thời điểm thực hiện công việc). - Nhân sự lắp đặt và tháo dỡ giàn giáo ở trên cao phải được đào tạo theo đúng quy định và phải có cán bộ kỹ thuật hướng dẫn, giám sát.

Bảng 5: Bố trí nhân sự thực hiện

STT	Nội dung	Thời gian phân bổ					
		6:00-18:00	18:00-6:00	18:00-21:00	20:00-6:00	5:30-14:30	14:30-20:00
KHU A							
1	Hầm 2	1					
2	Hầm 1	1					
3	Tầng trệt						
3.1	Quầy đăng ký khám bệnh, phòng khám quốc tế, phòng bảo vệ, thang bộ, thang cuốn, Khu vực sảnh chờ, hành lang, lối đi tháp thông gió, bồn hoa, dốc xuống hầm...	3					
3.2	Nhà thuốc	1					
3.3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	1					
3.4	Khoa hóa trị ung thư	1					
3.5	Cấp cứu	3	2				
3.6	Khu vực vỉa hè đường Hồng Bàng, Tân Đà, Mạc Thiên Tích, Đặng Thái Thân	2					
3.7	Khu vệ sinh công cộng (nam)	1					
3.8	Khu vệ sinh công cộng (nữ)	1					
4	Lầu 1						
4.1	Phòng khám 1-10	1					
4.2	Phòng khám 11-20	1					
4.3	Phòng khám 21-31	1					
4.4	Phòng khám 32-40	1					
4.5	Phòng khám 41-45, Siêu âm tim	1					
4.6	Siêu âm	1					
4.7	Nội soi	2					

STT	Nội dung	Thời gian phân bổ					
		6:00-18:00	18:00-6:00	18:00-21:00	20:00-6:00	5:30-14:30	14:30-20:00
4.8	Khu vệ sinh công cộng (nam)	1					
4.9	Khu vệ sinh công cộng (nữ)	1					
4.10	Hành lang, sảnh thang máy, cầu thang bộ, khu vực chờ và các khu vực còn lại	1					
5	Lầu 2						
5.1	Phòng mổ 1, 2	1	4				
5.2	Phòng mổ 3-6	1					
5.3	Phòng mổ 7-10	1					
5.4	Phòng mổ 11-14	1					
5.5	Phòng mổ 15	1					
5.6	Tiểu phẫu	1					
5.7	Hồi tỉnh	1					
5.8	Khu vực nhân viên	1					
5.9	Khu vực công cộng, hành lang, cầu thang và các khu vực còn lại	1					
6	Lầu 3						
6.1	Hội trường, khu vệ sinh công cộng, sảnh, hành lang và các khu vực còn lại	1					
6.2	Khu vực CSSD	1		1			
7	Lầu 4	2					
8	Lầu 5						
8.1	Hội sức tích cực	2		1	1		
8.2	Hội sức tim	2		1	1		
8.3	Hội sức ngoại thần kinh	1		1	1		
9	Lầu 6						
9.1	Khoa Xét nghiệm	1					
9.2	Khoa Răng Hàm mặt, Nội soi	1					

STT	Nội dung	Thời gian phân bổ					
		6:00-18:00	18:00-6:00	18:00-21:00	20:00-6:00	5:30-14:30	14:30-20:00
9.3	Khu vực DSA	1	1				
9.4	Phẫu thuật trong ngày	1		1			
9.5	Khu vực công cộng, nhà vệ sinh công cộng, sảnh, thang bộ và các khu vực còn lại	1					
10	Lầu 7						
10.1	Block A					2	1
10.2	Block B					2	1
11	Lầu 8						
11.1	Block A					2	1
11.2	Block B					2	1
12	Lầu 9						
12.1	Block A					2	1
12.2	Block B					2	1
12.3	Khoa Nội thận, thận nhân tạo					2	1
13	Lầu 10						
13.1	Block A					2	1
13.2	Block B					2	1
14	Lầu 11						
14.1	Block A					2	1
14.2	Block B					2	1
15	Lầu 12						
15.1	Block A					2	1
15.2	Block B					2	1
16	Lầu 13						
16.1	Block A					2	1
16.2	Block B					2	1
17	Lầu 14						
17.1	Block A					2	1
17.2	Block B					2	1

STT	Nội dung	Thời gian phân bổ					
		6:00-18:00	18:00-6:00	18:00-21:00	20:00-6:00	5:30-14:30	14:30-20:00
	Khu B						
18	Tầng trệt						
18.1	Thu ngân, chỉ định cận lâm sàng,	1					
18.3	Khu vực xét nghiệm, MRI, tiểu phẫu, nội soi	1					
18.4	Khoa Phục hồi chức năng, Xquang, thần kinh, đo loãng xương	1					
18.5	Nhà thuốc, Khoa Y học hạt nhân, siêu âm tim	1					
18.6	Phòng khám Hô hấp, đo điện cơ, phòng khám lão khoa	1					
18.7	Khu vực ngoại cảnh, sảnh chờ và các khu vực khác	2					
18.2	Khu vực vệ sinh công cộng	1					
19	Lầu 1	2					
20	Lầu 2	2	1				
21	Lầu 3	2	1				
22	Lầu 4	2	1				
23	Lầu 5	1					
KHÁC							
24	Quản lý	1					
25	Độc công	6	1				
26	Kho	1					
27	Phân loại chất thải rắn tái chế, rửa xe tiêm	1					
28	Lau kính, lau thang máy	1					
29	Trực đêm linh động		3				
30	Tổ vận chuyển rác	4	Nhà thầu bố trí thời gian làm việc phù hợp theo thời gian hoạt động thực tế của Bệnh viện				

STT	Nội dung	Thời gian phân bổ					
		6:00-18:00	18:00-6:00	18:00-21:00	20:00-6:00	5:30-14:30	14:30-20:00
31	Đội tổng thể định kỳ: 04 đội, mỗi đội 3 người	12	Nhà thầu bố trí thời gian làm việc theo lịch tổng thể của Bệnh viện				

6. Yêu cầu về máy móc, dụng cụ, hóa chất làm sạch

6.1. Máy móc, thiết bị làm sạch

Thiết bị, máy móc của nhà thầu sử dụng trong Bệnh viện thỏa các điều kiện:

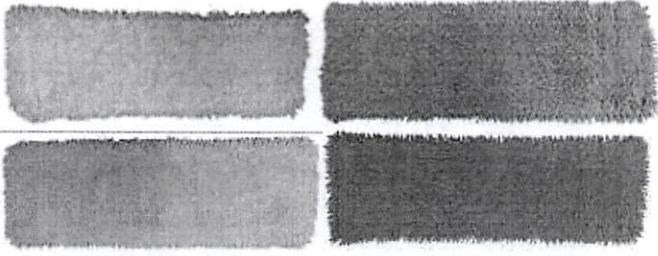
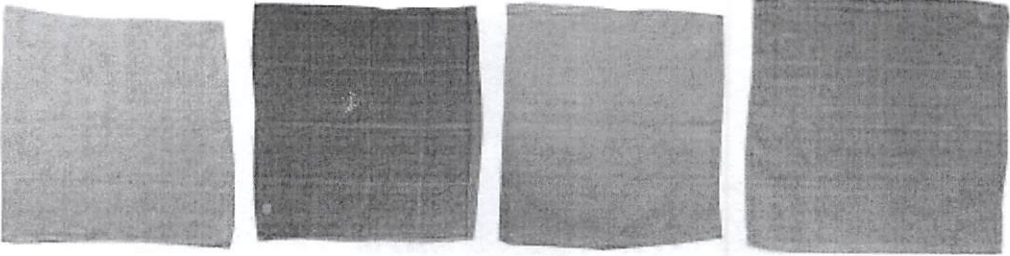
- Độ ồn của thiết bị máy móc nằm trong giới hạn cho phép sử dụng trong Bệnh viện: $\leq 70\text{dB}$
- Các thiết bị phải được làm sạch cuối mỗi ngày làm việc
- Bao gồm tối thiểu các loại:
 - + Máy chà sàn đơn : tối thiểu 04 máy
 - + Máy chà sàn liên hợp : tối thiểu 01 máy
 - + Máy chà sàn liên hợp ngồi lái : tối thiểu 01 máy
 - + Máy hút bụi : tối thiểu 04 máy
 - + Máy hút bụi khô và ướt : tối thiểu 04 máy
 - + Máy thổi thảm/quạt thổi : tối thiểu 04 máy
 - + Xe thang nâng : tối thiểu 01 xe
 - + Máy phun rửa áp lực cao : tối thiểu 01 máy
 - + Máy pha loãng hóa chất tự động: tối thiểu 04 máy
 - + Máy vệ sinh thang cuốn : tối thiểu 01 máy
 - + Máy khuếch tán tinh dầu : tối thiểu 15 máy

6.2. Phương tiện, dụng cụ làm sạch

Phương tiện, dụng cụ làm sạch của nhà thầu sử dụng trong Bệnh viện thỏa các điều kiện:

STT	Nội dung
1.	Trang bị riêng phương tiện, dụng cụ làm sạch cho khu vực yêu cầu vô khuẩn cao, khu vực cách ly, khu vực vệ sinh
2.	Xe làm sạch đáp ứng các yêu cầu sau: – Số lượng: tối thiểu 50 chiếc – Cứng cáp, bền

STT	Nội dung
	– Dễ dàng được làm sạch – Có bánh xe không gây tiếng ồn khi di chuyển – Có kích thước phù hợp với các lối ra vào của Bệnh viện, kích thước khoảng 1,25m (dài) x 0,5m (rộng) x 1m (cao) – Xe làm sạch có đủ không gian để bố trí các dụng cụ sau: hướng dẫn quy trình vệ sinh, bảng mô tả công việc; túi thu gom chất thải; hóa chất; các loại khăn lau; các loại xô; cây và bàn kẹp móp; biển báo trơn trượt/đang vệ sinh; móp lau sàn; miếng làm sạch lavabo; cây gạt nước; cây đẩy bụi; bàn chải sàn; cây gấp rác; ky hốt rác có nắp đậy; cây sủi chewing gum; chổi nhựa. – Xe làm sạch có kệ 03 tầng, xô, bàn kẹp móp, túi vải chống thấm đựng chất thải sinh hoạt xe tiêm và chất thải tái chế khi phát sinh đột xuất theo hình ảnh đính kèm
3.	Xe thu gom rác đáp ứng các yêu cầu sau: 2x90,7cm(dài) x 60,7cm(rộng) x 87,9cm (cao) - Số lượng thu gom rác: tối thiểu 25 chiếc và bổ sung thêm khi có yêu cầu của Bệnh viện. - Có 2 ngăn phân biệt 2 loại chất thải lây nhiễm và chất thải thông thường bằng túi vải chống thấm có màu vàng và xanh có nắp đậy, có bánh xe. Màu sắc xe thu gom theo từng loại chất thải tại Bệnh viện. - Loại xe theo hình ảnh đính kèm hoặc tương đương nhưng phải đáp ứng: + Thiết kế dễ dàng lấy rác, túi vải có thể tháo vệ sinh. + Dễ dàng được làm sạch khô ráo sau mỗi lần vận chuyển rác. + Bánh xe không gây tiếng ồn khi di chuyển 
4.	Móp phân loại màu theo bề mặt móp (không theo ký hiệu màu trên móp) cho 04 loại bề mặt và mức độ ô nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế: – Bề mặt vô khuẩn (màu trắng) – Bề mặt an toàn, sạch, ít nguy cơ (màu xanh dương) – Bề mặt khu chăm sóc và điều trị (màu vàng)

STT	Nội dung
	– Sử dụng riêng cho nhà vệ sinh, khu chứa đồ vệ sinh, nơi cọ rửa dụng cụ; khu tiếp nhận, cách ly người bệnh mắc/ngghi ngờ mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch (màu đỏ) Yêu cầu: Thấm hút tốt để sàn khô ráo, không trơn trượt và có khả năng gom bụi Hình ảnh minh họa: 
5.	Khăn phân loại màu cho 04 loại bề mặt, và mức độ ô nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế – Bề mặt vô khuẩn (màu trắng) – Bề mặt an toàn, sạch, ít nguy cơ (màu xanh dương) – Bề mặt khu chăm sóc và điều trị (màu vàng) – Sử dụng riêng cho nhà vệ sinh, khu chứa đồ vệ sinh, nơi cọ rửa dụng cụ; khu tiếp nhận, cách ly người bệnh mắc/ngghi ngờ mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch (màu đỏ) Yêu cầu: không để lại bụi vải khi lau, thành phần cotton hoặc cotton tổng hợp. Hình ảnh minh họa: 
6.	Xô được phân loại màu theo mục đích sử dụng: – Dụng dung dịch/ khăn thấm dung dịch khử khuẩn (màu trắng) – Dụng dung dịch/ khăn thấm dung dịch làm sạch/nước sạch để lau ẩm (màu xanh) – Dụng khăn đã sử dụng (màu vàng, có lót túi rác màu vàng) – Sử dụng riêng cho nhà vệ sinh, khu chứa đồ vệ sinh, nơi cọ rửa dụng cụ; khu tiếp nhận, cách ly người bệnh mắc/ngghi ngờ mắc các bệnh truyền nhiễm có khả năng gây dịch (màu đỏ) Yêu cầu: Xô hình vuông, kích thước phù hợp với xe làm sạch.

STT	Nội dung
7.	Bao gồm tối thiểu các loại: - Móp - Khăn - Xô - Thùng/giỏ vật dụng làm sạch di động - Thùng và túi đựng chất thải - Cây và bàn kẹp mop - Biển báo sàn ướt - Cây gạt nước - Cây đẩy bụi - Đầu lau kính và đầu gạt kính - Miếng chà bụi nhùi - Bàn chải sàn - Cây gắp rác bằng inox - Ky hút rác có nắp đậy - Cây sủi chewing gum - Cây cọ - Cây chổi quét trần nhà, mạng nhện, bụi bẩn của tường trên cao - Chổi nhựa: dùng cho khu vực ngoại cảnh, không sử dụng chổi quét (các khu vực liên quan đến việc chăm sóc và điều trị người bệnh, cầu thang bộ), không sử dụng chổi cỏ - Thang nhôm
8.	- Khăn lau, mop phải là loại vi sợi, đảm bảo còn chất lượng tốt. Các mop và khăn phải đảm bảo dễ thấm hút nước và gom được cát và bụi. - Mỗi mop sạch chỉ được sử dụng trong diện tích khoảng 20 m². + Phòng 1 giường, 2 giường (khoảng 17 m²) : 01 mop/lần lau. + Phòng 4 giường (khoảng 33 m²) : 02 mop/lần lau. + Phòng 6 giường (khoảng 67 m²) : 04 mop/lần lau. + Các khu vực khác tùy theo diện tích lau mà sử dụng mop theo đúng quy định. - Mop và khăn lau bề mặt chỉ dùng một lần, sau đó được giặt sạch theo đúng quy trình sau khi sử dụng. - Khăn lau sử dụng cho khu vực nguy cơ cao phải là loại không bụi vải trong và sau khi lau. Mop và khăn lau thuộc các khu vực nhóm nguy cơ rất cao như khu

STT	Nội dung
	Phẫu thuật, khu vực hồi sức, khu cách ly,... phải được giặt riêng biệt không được để lẫn với các mốp khu vực khác. – Không tái xử lý và tái sử dụng khăn, mốp sử dụng với các ca bệnh truyền nhiễm, đa kháng. Cần loại bỏ sau mỗi lần sử dụng. – Sau khi sử dụng, mốp và khăn lau được thu gom và phân loại riêng theo từng loại nhiễm và không nhiễm, giặt sạch riêng theo đúng quy trình. Không tổ chức công việc giặt, phơi, sấy các loại giẻ, mốp, khăn lau,.. trong khuôn viên Bệnh viện. – Mốp và khăn lau phải được thay thế khi hư/quá cũ và thay mới sau 06 tháng sử dụng.

6.3. Hóa chất, chế phẩm làm sạch

Danh mục hóa chất, chế phẩm của nhà thầu cung cấp sử dụng làm sạch tại Bệnh viện theo bảng sau hoặc tương đương:

Bảng 6.3.1. Danh mục hóa chất, chế phẩm

Stt	Công dụng	Vị trí vệ sinh	Hóa chất, chế phẩm (nhà thầu đang sử dụng tại Bệnh viện)
1.	Làm sạch sàn	Khu Khám chữa bệnh	Stride Floral DC, Future DC
		Khu phòng mổ, Hồi sức, Hồi tỉnh	Stride Floral DC
2.	Làm vệ sinh bề mặt, nội thất, lau giường	Khu khám chữa bệnh, khu hành chính	Stride Floral DC, Future DC
		Khu phẫu thuật, cách ly	Stride Floral DC, Cloramine B
3.	Lau khử khuẩn bề mặt	Khu nhiễm, các khu vực liên quan đến bệnh nhân, trang thiết bị y tế	Surfanios, Presept
4.	Xử lý máu và dịch tiết và lau sàn phòng nhiễm		Presept
5.	Hóa chất có thành phần chứa Clo /hypochlorite		Cloramine B
6.	Phủ bóng sàn vinyl	Khu phòng mổ và khu Hồi sức	Dugralos
7.	Hóa chất tẩy các vết dốm trên ghế và thảm	Khu có ghế salon và thảm	General Purpose Spotter 3M, Floordress T500
8.	Hóa chất giặt ghế và thảm		Floordress T500

Stt	Công dụng	Vị trí vệ sinh	Hóa chất, chế phẩm (nhà thầu đang sử dụng tại Bệnh viện)
9.	Làm sạch men sứ nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	Stride Floral DC, Crew, Toilet bowl Cleaner
10.	Hóa chất khử mùi nhà vệ sinh	Nhà vệ sinh	- Deoair Floral - Sáp thơm: Glade - Tinh dầu sả chanh
11.	Hóa chất vệ sinh bề mặt các vật dụng, sàn, tường trong nhà vệ sinh	Làm vệ sinh các bề mặt bên ngoài khác	Xà bông bột OMO, Surf, Lix
12.	Hóa chất lau kính		Lix, Miraglo
13.	Hóa chất phủ bóng inox		Deepgloss (chuyên phủ bóng inox)
14.	Hóa chất phủ bóng gỗ		Deepgloss (chuyên phủ bóng gỗ), Plege

Hóa chất, chế phẩm sử dụng trong Bệnh viện thỏa điều kiện sau:

- Hóa chất khử khuẩn môi trường: Có tính khử khuẩn (Có các hoạt chất chứa Chlor và hợp chất chứa Chlor, Alcohol, hydrogen peroxide, hợp chất Amoni bậc 4-QAC, các dẫn chất của phenol) được Bộ Y tế cấp phép.
- Các hóa chất và chế phẩm diệt khuẩn: có trong danh mục chế phẩm diệt khuẩn bề mặt đã cấp giấy chứng nhận còn hiệu lực hoặc có giấy đăng ký lưu hành của Cục Quản lý môi trường y tế theo Thông tư 25/2011/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 23/6/2011 về danh mục hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam.
- Các hóa chất làm sạch: không thuộc danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế theo Thông tư 11/2020/TT-BYT ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục hoạt chất cấm sử dụng và hạn chế phạm vi sử dụng trong chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.
- Các hóa chất làm sạch và chế phẩm: Có khả năng làm sạch và tẩy rửa tốt các vết bẩn hữu cơ (dầu mỡ, protein) và vô cơ (vết bẩn, xà phòng).
- Hóa chất khử khuẩn phải có một phạm vi kháng khuẩn rộng, bao gồm cả những tác nhân gây bệnh thường gây nhiễm khuẩn bệnh viện và các ổ dịch và có khả năng diệt khuẩn mức độ từ thấp đến trung bình.

- Trong vệ sinh môi trường bề mặt, hóa chất làm sạch không được chứa thành phần chứa cồn (alcohol) có chứa nồng độ từ 60-80%.
- Các thành phần có clo/hypochlorite có nồng độ không được vượt quá 1000 ppm hay 0,1% vì có tính ăn mòn kim loại. Nếu sử dụng phải rửa hoặc lau sạch thiết bị bằng nước sau khi khử khuẩn.
- Tác dụng nhanh: có hoạt tính nhanh và thời gian tiếp xúc ngắn.
- Có thể pha loãng và đảm bảo sự ổn định nồng độ hóa chất sau pha loãng.
- Không bị phân hủy bởi tác động của các yếu tố môi trường.
- An toàn cho nhân viên, người bệnh, môi trường.
- Hiệu quả khử khuẩn kéo dài trên bề mặt môi trường, vật dụng.
- Dễ dàng sử dụng.
- Không mùi (hay có mùi dễ chịu nếu có).
- Xuất xứ rõ ràng và hướng dẫn sử dụng đầy đủ.
- Các thùng chứa hóa chất (nguyên liệu, thành phẩm) dán nhãn theo đúng quy chế nhãn thuốc.
- Phương tiện lưu trữ hóa chất: không bổ sung tiếp hóa chất vào bình đang sử dụng hay đã hết hóa chất. Cần súc rửa bình và để ráo sau mỗi lần sử dụng hết một lượt hóa chất và trước khi đổ lượt hóa chất mới vào.
- Nhà thầu phải đảm bảo hóa chất khử khuẩn được pha loãng đúng nồng độ quy định (theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất, Bộ Y tế về hóa chất đó).
- Nhà thầu có kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng tháng và đột xuất công tác pha hóa chất theo quy định về nồng độ pha loãng và theo quy trình pha loãng. Cung cấp kết quả kiểm tra khi có yêu cầu của Bệnh viện.
- Thay dung dịch làm sạch/ khử khuẩn theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Tăng tần suất thay dung dịch tại khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao; khi nhìn thấy đục, chất bẩn và ngay sau khi làm sạch máu/ dịch cơ thể tràn trên bề mặt.
- Có thiết bị hoặc công cụ pha loãng và phương án kiểm tra quy trình pha loãng đúng nồng độ của hóa chất, chế phẩm.
- Trong quá trình thực hiện dịch vụ nếu hóa chất, chế phẩm sử dụng gây mùi khó chịu, không đạt hiệu quả thì nhà thầu phải thay thế loại hóa chất, chế phẩm khác đáp ứng yêu cầu của bên mời thầu.
- Nhà thầu phải đáp ứng khối lượng tối thiểu hóa chất, dụng cụ, vật tư... cần sử dụng trong tháng như sau.

Bảng 6.3.2 Khối lượng tối thiểu

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1.	Toilet Bowl Cleaner/ Stride Floral DC/ Crew	Lít/tháng	20
2.	Presept	Hộp/tháng	20
3.	Surfanios/Surface -C	Lít/tháng	40
4.	Future DC/ Stride Floral DC/ Cloramine B	Lít/tháng	40
5.	Glass cleaner/ Lix/ Miraglo	Lít/tháng	40
6.	Sumo đa năng	Hộp/tháng	80
7.	Con vệt gift	Hộp/tháng	200
8.	Xà bông Pano/Osomo/Surf	Kg/tháng	200
9.	Floor Dress T500/ General Purpose Spotter 3M	Lít/tháng	20
10.	Sáp thơm	Hộp/tháng	100
11.	Deoair Floral/ Tinh dầu xả chanh	Lít/tháng	30
12.	Deepgloss (chuyên phủ bóng inox)	Lít/tháng	10
13.	Deepgloss (chuyên phủ bóng gỗ), Plege	Lít/tháng	10
14.	Găng tay y tế	Hộp/tháng	300
15.	Khẩu trang y tế	Hộp/tháng	160
16.	Găng tay cao su đỏ	Hộp/tháng	100
17.	Bao rác xanh, xám 30*45 cm	Kg/tháng	100
18.	Bao rác xanh, xám 55*65 cm	Kg/tháng	900
19.	Bao rác xanh, xám 75*90 cm	Kg/tháng	30
20.	Bao rác xanh, xám 100*120 cm	Kg/tháng	130
21.	Bao rác xanh, xám 120*150 cm	Kg/tháng	500
22.	Bao rác vàng 30*45 cm	Kg/tháng	150
23.	Bao rác vàng 55*65 cm	Kg/tháng	700
24.	Bao rác vàng 75*90 cm	Kg/tháng	20
25.	Bao rác vàng 100*120 cm	Kg/tháng	150
26.	Bao rác vàng 120*150 cm	Kg/tháng	50
27.	Bao rác trắng 30*45 cm	Kg/tháng	100
28.	Bao rác trắng 55*65 cm	Kg/tháng	300
29.	Bao rác trắng 75*90 cm	Kg/tháng	50
30.	Bao rác trắng 100*120 cm	Kg/tháng	150
31.	Bao rác trắng 120*150 cm	Kg/tháng	150
32.	Bao rác đen 100*120 cm	Kg/tháng	20

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng
33.	Bao rác đen 55*65 cm	Kg/tháng	20

Ghi chú: Khối lượng trên là tối thiểu, tùy theo nhu cầu sử dụng thực tế tại Bệnh viện mà Nhà thầu phải tăng thêm thành phần, số lượng,... để đảm bảo chất lượng làm sạch.

6.4. Túi đựng chất thải: Nhà thầu cung cấp túi đựng chất thải sử dụng tại Bệnh viện đáp ứng các yêu cầu sau:

Bảng 6.4.1: Tiêu chuẩn kỹ thuật đối với túi đựng chất thải

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đối tượng áp dụng	Yêu cầu
1	Thành phần	Áp dụng đối với túi màu vàng và màu đen	- Túi đựng chất thải phải có giấy chứng nhận thân thiện với môi trường (tự phân hủy sinh học) của cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành cấp. - Túi đựng chất thải không được dùng nhựa PVC, nhựa tái chế
		Áp dụng đối với túi màu xanh, xám và màu trắng	- Túi đựng chất thải phải có giấy chứng nhận thân thiện với môi trường (tự phân hủy sinh học) của Tổng Cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường - Túi đựng chất thải không được làm bằng nhựa tái chế
2	Độ bền	Áp dụng đối với tất cả các loại túi đựng chất thải	Đảm bảo độ bền, dẻo để không bị rách trong quá trình thu gom vận chuyển chất thải
4	Màu sắc	Để đựng chất thải lây nhiễm	Vàng
		Để đựng chất thải sinh hoạt	Xanh và xám
		Để đựng chất thải hóa học nguy hại, chất thải gây độc tế bào, chất thải phóng xạ	Đen
		Để đựng chất thải tái chế	Trắng
5	In ấn	Áp dụng chung cho tất cả các loại túi đựng chất thải	Bên ngoài phải in vạch cảnh báo “KHÔNG ĐƯỢC ĐUNG QUÁ MỨC NÀY” trên túi theo khoảng cách quy định từ đáy túi lên đến vạch in là 75% thể tích của túi.

STT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đối tượng áp dụng	Yêu cầu
		Áp dụng cho túi đựng chất thải lây nhiễm	 CHẤT THẢI LÂY NHIỄM
		Áp dụng cho túi đựng chất thải sinh hoạt thông thường	 CHẤT THẢI THÔNG THƯỜNG
		Áp dụng cho túi đựng chất thải hóa học nguy hại, gây độc tế bào, chất thải phóng xạ	 CHẤT THẢI NGUY HẠI
		Áp dụng cho túi đựng chất thải tái chế	 CHẤT THẢI TÁI CHẾ
6	Số lượng túi tối đa/1 kg	Đối với túi kích thước 30cm x 45cm (sử dụng cho thùng xe tiêm)	Khoảng 70-80 cái
		Đối với túi kích thước 55cm x 65cm (sử dụng cho thùng 15 lít, 20 lít)	Khoảng 55-65 cái
		Đối với túi kích thước 75cm x 90 cm (sử dụng cho thùng 45 lít)	Khoảng 24-27 cái
		Đối với túi kích thước 100 cm x 120 cm (sử dụng cho xe thu gom chất thải)	Khoảng 16-18 cái
		Đối với túi kích thước 120cm x 150 cm (sử dụng cho thùng 240 lít)	Khoảng 5 – 7 cái

Ghi chú: Màu sắc túi đựng chất thải có thể thay đổi phụ thuộc vào quy định của pháp luật và của Bệnh viện.

Bảng 6.4.2: Tần suất thay thế túi đựng chất thải

Stt	Loại thùng	Dung tích (lít)	Tần suất thay thế
1	Vàng	6	Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		15-20	Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		240	Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
2	Xanh, xám	6	Tối thiểu 02 lần/ngày hoặc khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		15-20	Tối thiểu 03 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		45	Tối thiểu 03 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		240	Tối thiểu 03 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
3	Trắng	6	Khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		15-20	Khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		45	Khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		240	Khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
4	Đen	15-20	Tối thiểu 02 lần/ngày đối với chất thải gây độc tế bào hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.
		240	Tối thiểu 01 lần/ngày hoặc ngay khi chất thải đựng vạch $\frac{3}{4}$ thùng.

Ghi chú: Số lượng thùng rác nêu trong bảng trên là số lượng ước tính.

Bảng 6.4.3: Thời gian giao chất thải cho đơn vị thu gom và xử lý

STT	Loại chất thải	Màu túi/Màu thùng	Vị trí tập kết	Vị trí giao cho đơn vị thu gom và xử lý	Giờ vận chuyển rác	Giờ giao rác
1	Chất thải lây nhiễm	Vàng/Vàng	Khu vực lưu giữ rác tập trung (đường Mạc Thiên Tích)	Khu vực lưu giữ rác tập trung (đường Mạc Thiên Tích)	Lần 1: 08:00 - 09:00 Lần 2: 13:00 - 16:00	05:00 - 06:00
2	Chất thải sinh hoạt	Xanh dương/ Xanh lá/Xám	Sân công Tản Đà	Sân công Tản Đà	Lần 1: 05:00 - 06:00 Lần 2: 13:00 - 15:30	Lần 1: 04:00 - 05:00 Lần 2: 13:30 - 14:30
3	Chất thải nguy hại	Đen/Đen	Khu vực lưu giữ rác tập trung (Hầm 2)	Khu vực lưu giữ rác tập trung (Hầm 2)	09:00 - 10:00 hoặc 14:00 - 15:00	09:00 - 10:00 hoặc 14:00 - 15:00
4	Chất thải tái chế	Trắng/Trắng	Nhà rác khu A	Sân công Tản Đà	Lần 1: 05:00 - 06:00 Lần 2: 13:00 - 15:30	Lần 1: 07:00 - 08:00 Lần 2: 13:00 - 15:30

Ghi chú:

- Giờ giao nêu trong bảng trên có thể thay đổi tùy theo điều kiện thực tế.
- Khi giao chất thải cho đơn vị thu gom và xử lý phải thực hiện dưới sự giám sát của nhân viên Bệnh viện.

6.5. Phương tiện phòng hộ cá nhân sử dụng trong Bệnh viện thỏa các điều kiện

- Do nhà thầu cung cấp
- Đồng phục quy định riêng cho các khu vực đặc biệt (như phòng mổ, ICU...) và có áo choàng khoác bên ngoài khi nhân viên có nhu cầu ra khỏi khu vực vô khuẩn.
- Nhà thầu tự trang bị phương tiện phòng hộ cá nhân (PPE) khi có phát sinh dịch bệnh truyền nhiễm lây qua đường tiếp xúc, không khí, giọt bắn
- Bao gồm tối thiểu các loại:

- + Đồng phục (quần áo, nón, giày, băng tên, ...): Đồng phục không cũ, nhàu, bạc màu...
- + Găng tay y tế (sử dụng 1 lần)
- + Găng tay cao su (dài tới khuỷu tay, sử dụng nhiều lần)
- + Khẩu trang
- + Ủng (chống thấm, cao ngang gối)
- + Mất kính

7. Bảo hiểm

Kể từ ngày cung cấp dịch vụ làm sạch cho đến khi kết thúc dịch vụ, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu.

Bệnh viện không có trách nhiệm đối với bất kỳ sự cố nào xảy ra với con người và máy móc thiết bị của nhà thầu.

8. An toàn lao động và các yêu cầu khác

- Người phụ trách công trình làm sạch của nhà thầu tại bệnh viện phải được hướng dẫn cách sử dụng cơ sở hạ tầng (thang máy, các hệ thống kỹ thuật của tòa nhà), công tác PCCC tại bệnh viện trước khi làm việc.
- Tất cả nhân viên của nhà thầu khi thực hiện công việc tại Bệnh viện phải được tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy. Nhà thầu chịu trách nhiệm chi trả chi phí tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy này.
- Nhà thầu không để xảy ra tai nạn lao động ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng nhân viên lao động của nhà thầu cũng như nhân viên y tế, người bệnh, người thân của bệnh viện.
- Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn lao động (như làm sạch trên cao, làm sạch mặt ngoài các tòa nhà, an toàn khi sử dụng các thiết bị phục vụ cho việc làm sạch,...).
- Nhà thầu phải tự trang bị các dụng cụ an toàn lao động khi thực hiện công việc tại Bệnh viện.
- Nhà thầu phải tự sắp xếp chỗ gửi xe và chi phí gửi xe cho nhân viên của nhà thầu.

9. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận.
2. Kế hoạch công tác.

10. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

10.1 Kiểm tra, nghiệm thu

Phòng Quản trị tòa nhà: Kiểm tra việc làm sạch bằng trực quan, nhắc nhở xử lý sự vụ, lập biên bản (nếu có); thống kê, theo dõi tần suất tổng thể; kiểm tra số lượng nhân sự, lập biên bản thiếu số lượng nhân sự (nếu có); nghiệm thu vật tư, vật dụng, hóa chất làm sạch

theo đúng yêu cầu của Hợp đồng; làm việc trực tiếp với quản lý và đốc công về chất lượng làm sạch; điều phối nhà thầu khi có nhu cầu.

Phòng Quản trị tòa nhà, Nhà thầu thực hiện dịch vụ lấy ý kiến và chữ ký của các đơn vị sử dụng dịch vụ để làm cơ sở nghiệm thu và giảm trừ thanh toán (nếu có).

Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn: Thực hiện việc đánh giá chất lượng làm sạch hàng tháng bằng phương pháp trực quan và huỳnh quang, kiểm tra quy trình làm sạch của nhà thầu theo các quy trình, quy định của Bệnh viện ban hành. Sau khi tổng hợp kết quả kiểm tra, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn tổ chức họp đánh giá chất lượng dịch vụ có tham gia đại diện Phòng Quản trị tòa nhà, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và Ban giám đốc của nhà thầu để thống nhất giá trị nghiệm thu, giá trị giảm trừ (nếu có), để làm cơ sở thanh toán cho nhà thầu.

Các phòng, khoa, đơn vị sử dụng trực tiếp sẽ xác nhận nghiệm thu chất lượng dịch vụ do đơn vị mình phụ trách.

Bên mời thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu theo diện tích và số ngày làm sạch thực tế thực hiện nhưng giá trị thanh toán không vượt quá giá trị hợp đồng đã ký.

Đối với các công việc vệ sinh định kỳ 1 tuần/lần, 30 ngày/lần; 60 ngày/lần; 90 ngày/lần và 180 ngày/lần và tổng thể: Nhà thầu chụp hình báo cáo các công việc thực hiện vệ sinh để làm cơ sở nghiệm thu.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khu vực nào trong Bảng 4.1 chuyển đổi công năng sử dụng và yêu cầu mức độ làm sạch cao hơn thì Bên mời thầu vẫn nghiệm thu theo đơn giá và số ngày của hợp đồng đã ký cho các khu vực chuyển đổi này. Nếu có chuyển đổi công năng và yêu cầu mức độ làm sạch thấp hơn yêu cầu của Hợp đồng thì Bên mời thầu sẽ nghiệm thu khu vực đó theo đơn giá của các khu vực làm sạch tương đương.

10.2. Giảm trừ thanh toán và phạt vi phạm:

– Nhà thầu không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, công tác làm sạch không đạt theo yêu cầu của Hợp đồng, Bệnh viện sẽ giảm trừ 20% giá trị nghiệm thu tại thời điểm xác nhận thanh toán của khu vực đó.

– Đối với các vị trí bị giảm trừ thanh toán quá 02 (hai) lần liên tiếp hoặc những vị trí nhà thầu không thực hiện công việc làm sạch theo hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ khấu trừ vào giá trị hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng 50% giá trị nghiệm thu của lần/khoa chứa vị trí đó. Tổng giá trị phạt vi phạm đạt đến 8% giá trị hợp đồng thì chủ đầu tư sẽ xem xét việc chấm dứt hợp đồng theo quy định.

– Nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại về hậu quả do nhân viên của nhà thầu gây ảnh hưởng đến tài sản, uy tín, danh tiếng của Bệnh viện.

– Ngoài ra phạt vi phạm được áp dụng theo bảng sau:

Bảng 10: Mức phạt vi phạm

Stt	Nội dung	Mức phạt	Hình thức xử lý bổ sung
1.	Không thực hiện đúng nội quy, quy định của Bệnh viện	500.000 VND/người/lần	Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2
2.	Thực hiện sai các quy trình làm sạch, phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải trong Bệnh viện và các quy trình khác nếu có	1.000.000 VND/người/lần	- Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường căn cứ mức độ thiệt hại của sự việc - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới.
3.	Vi phạm nguyên tắc kiểm soát nhiễm khuẩn khi thực hiện việc làm sạch	500.000 VND/người/lần	Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2
4.	Không đáp ứng tần suất vệ sinh tổng thể theo yêu cầu của hợp đồng do nguyên nhân chủ quan của nhà thầu	500.000 VND/lần	Nhanh chóng đáp ứng yêu cầu, vệ sinh khu vực bị bỏ sót
5.	Không vệ sinh thang cuốn	200.000 VND/lần	Nhanh chóng khắc phục
6.	Vệ sinh các miệng gió không đúng tần suất/ không đạt yêu cầu	200.000 VND/miệng gió	Nhanh chóng khắc phục, vệ sinh miệng gió bị bỏ sót
7.	Máy móc, dụng cụ, hóa chất, túi đựng chất thải,... không đáp ứng đúng yêu cầu	3.000.000 VND/lần	Nhanh chóng thay đổi loại đáp ứng yêu cầu
8.	Thiếu 01 nhân viên làm sạch so với số lượng đã được quy định trong hợp đồng	500.000 VND người/ngày	
9.	Thiếu 01 nhân sự ở vị trí Đốc công so với số lượng đã được quy định trong hợp đồng	1.000.000 VND người/ngày	
10.	Không có giấy giới thiệu nhân viên mới của Nhà thầu	500.000 VND/người/lần	
11.	Lấy cắp tài sản trong khuôn viên của Bệnh viện	500.000 VND/người/lần	- Nếu thiệt hại nhiều hơn mức phạt, Nhà thầu có trách nhiệm chi trả cho Bệnh viện căn cứ mức độ thiệt hại của sự việc - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
12.	Có hành vi lấy chất thải y tế, nguy hại, tái chế như dây nhựa dịch truyền, pin, ắc quy, bóng đèn...để bán, sử dụng hoặc làm	20.000.000 VND/người/lần	- Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới.

Stt	Nội dung	Mức phạt	Hình thức xử lý bổ sung
	thất thoát ra bên ngoài gây ảnh hưởng đến Bệnh viện		- Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường căn cứ mức độ thiệt hại của sự việc
13.	Làm hư hỏng cơ sở vật chất của Bệnh viện	500.000 VND/người/lần	Bồi thường giá trị tương ứng với giá trị vật chất tại thời điểm hư hỏng
14.	Làm ảnh hưởng đến bất kỳ người bệnh, người thân, nhân viên của Bệnh viện (ví dụ: nhân viên làm sạch của nhà thầu lau sàn nhà mà không để bảng cảnh báo sàn trơn, làm bệnh nhân té ngã...)	500.000 VND/người/lần	- Bồi thường toàn bộ các chi phí liên quan các tổn thất về sức khỏe, tinh thần, thu nhập,...của người bị nạn đó - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
15.	Hăm dọa nhân viên Bệnh viện dưới bất kỳ hình thức	500.000 VND/người/lần Hoặc nếu thiệt hại nhiều hơn mức phạt, Nhà thầu có trách nhiệm chi trả cho những chi phí liên quan đến hành vi này cho nhân viên bệnh viện (nếu có).	Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
16.	Đánh nhau với đồng nghiệp hay người khác ngoài lý do phòng vệ chính đáng	500.000 VND/người/lần	- Nếu thiệt hại nhiều hơn mức phạt, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí xử phạt của cơ quan chức năng (nếu có) - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
17.	Trực tiếp làm “cò” hoặc có biểu hiện thông đồng với “cò”	500.000 VND/người/lần	- Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
18.	Đánh bạc dưới mọi hình thức (chơi bài, cá độ,..) trong Bệnh viện	500.000 VND/người/lần	- Nếu thiệt hại nhiều hơn mức phạt, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí xử phạt của cơ quan chức năng (nếu có)

Stt	Nội dung	Mức phạt	Hình thức xử lý bổ sung
			- Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
19.	Đùa giỡn với nhân viên khác hay khách trong giờ làm việc	200.000 VND/người/lần	Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2
20.	Tự tập nói chuyên riêng trong ca trực	200.000 VND/người/lần	
21.	Không mặc đủ, đúng đồng phục theo quy định của Nhà thầu (quần áo, băng tên, giày)	500.000 VND/người/lần	
22.	Tác phong không gọn gàng, quần áo cũ, nhàu	200.000 VND/người/lần	
23.	Không trang bị đúng phương tiện bảo hộ lao động khi thực hiện công việc (khẩu trang, găng tay, giày, nón)	500.000 VND Người/lần	
24.	Ăn uống trong giờ làm việc, không đúng khu vực quy định	200.000 VND/người/lần	
25.	Ngủ trong giờ làm việc	200.000 VND/người/lần	
26.	Tự ý thay thế vị trí làm sạch chưa được sự giới thiệu của Quản lý/Độc công	500.000 VND/người/lần	
27.	Râu, tóc để dài (đối với nam) Tóc không cột gọn gàng (đối với nữ) Nói tục hay có thái độ khiếm nhã với người khác trong Bệnh viện	500.000 VND/người/lần	
28.	Để các vật dụng cá nhân, dụng cụ làm sạch không ngăn nắp	200.000 VND/người/lần	
29.	Chèn cửa thoát hiểm cầu thang bộ hoặc không nắm quy định về phòng cháy chữa cháy	500.000 VND/người/lần	- Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới
30.	Mang thuốc lá vào trong Bệnh viện	500.000 VND/người/lần	- Lập biên bản và thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2
31.	Hút thuốc trong Bệnh viện	1.000.000 VND/người/lần	- Trường hợp hút thuốc trong hầm, các khu vực kho và các khu vực có nguy cơ cháy nổ: Lập biên bản và cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện - Trường hợp hút thuốc các

Stt	Nội dung	Mức phạt	Hình thức xử lý bổ sung
			vị trí khác trong Bệnh viện: Thay thế nhân viên khác nếu vi phạm lần thứ 2
32.	Sử dụng ma túy hay chất kích thích trong Bệnh viện	1.000.000 VND/người/lần	- Nếu thiệt hại nhiều hơn mức phạt, Nhà thầu phải chịu mọi chi phí xử phạt của cơ quan chức năng (nếu có) - Cho nhân viên vi phạm nghỉ việc ngay khi phát hiện và thay thế nhân viên mới



CÔNG TY:
ĐỊA CHỈ:
SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Theo thư mời chào giá số/BVĐHYD-QTTN của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND/năm) đã bao gồm VAT
1	Cung cấp dịch vụ làm sạch năm 2025-2027	tháng	24		
Tổng cộng đã bao gồm thuế VAT và các chi phí liên quan khác					

Đáp ứng tất cả các yêu cầu kỹ thuật của Bệnh viện theo thư mời chào giá
Báo giá này có hiệu lực 6 tháng từ ngày/.../... đến ngày/.../...

Ngàythángnăm 2024
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

